

PHẦN 01. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- (1) Ngành đào tạo: **LUẬT KINH TẾ**
- (2) Mã ngành: 7380107
- (3) Hệ đào tạo: Chính quy
- (4) Trình độ đào tạo: Đại học
- (5) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ
- (6) Thời gian đào tạo: 4,0 năm
- (7) Cấp bằng tốt nghiệp danh hiệu: Cử nhân
- (8) Năm dự kiến mở: 2025
- (9) Tuyển sinh: Tuyển sinh phạm vi cả nước, thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), hoặc tương đương. Xét tuyển kết quả học tập cấp học THPT: Xét tuyển học bạ cấp học THPT, hoặc tương đương; Xét tuyển kết quả thi THPT năm tuyển sinh; và, Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực (dự kiến lấy điểm Kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức – ĐGNL – ĐHQG TP.HCM)
- (10) Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm giai đoạn 2025 – 2030: 50 chỉ tiêu năm 2025; 100 – 200 chỉ tiêu cho các năm sau tùy theo năng lực đào tạo
- (11) Đơn vị quản lý đào tạo: Ban Khoa học Cơ bản (Bộ môn Pháp luật), Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

II. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

2.1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

(1) Thông tin chung về trường

- Tên đầy đủ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN.
- Tên tiếng Anh: Saigon Technology University.
- Tên viết tắt: ĐH CNSG, STU.
- Mã tuyển sinh: DSG.
- Năm thành lập: Năm 1997.
- Trụ sở chính:
 - + Địa chỉ: 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.
 - + Điện thoại: (028) 38505520 – 38508262.
 - + Fax: (028) 38506595.
 - + Email: stu@stu.edu.vn.
 - + Website: http://www.stu.edu.vn.

(2) Sự mạng - Tầm nhìn – Triết lý giáo dục

Sự mạng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa hệ theo hướng ứng dụng với các trình độ: cao đẳng, đại học, cao học và nghiên cứu sinh; cung cấp nguồn nhân lực

chất lượng có phẩm chất đạo đức, tư duy độc lập, sáng tạo, chuyên môn cao, nghiệp vụ giỏi, văn hóa, ngoại ngữ tốt, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và xu thế toàn cầu hóa.

Tầm nhìn: Trong giai đoạn 05 năm từ 2020 – 2025, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phấn đấu trở thành trường đại học có thương hiệu, có uy tín và có chất lượng cao. Đến năm 2030, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn sẽ trở thành một cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ chất lượng và uy tín trong các cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng ở Việt Nam.

Triết lý giáo dục: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn với triết lý giáo dục “Chất lượng – Trách nhiệm – Chính trực – Hợp tác – Sáng tạo” hướng đến mục tiêu đào tạo ra những kỹ sư, cử nhân có kiến thức vững chắc, có trách nhiệm với xã hội, đề cao tính chính trực và sẵn sàng hội nhập vào bất cứ môi trường làm việc nào.

(3) Giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Tiền thân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU) là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dân lập TP.HCM (SEC). SEC được thành lập theo Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 24/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ. SEC là trường cao đẳng ngoài công lập đầu tiên của nước ta chủ yếu đào tạo ngành kỹ thuật, công nghệ.

Tháng 04/2004, SEC được nâng cấp thành Trường Đại học Dân lập Kỹ nghệ TP.HCM (SEU) theo Quyết định số 57/2004/QĐ-Ttg ngày 06/04/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 03/2005, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn theo Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg ngày 16/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 07/2007, Trường sử dụng tên Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn. Tên tiếng Anh là Saigon Technology University (STU)

Tháng 04/2024, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được chuyển đổi loại hình từ dân lập sang tư thục theo Quyết định số 284/QĐ-TTg ngày 06/04/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng từ năm 1997; đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp từ năm 2003; đào tạo trình độ đại học từ năm 2004; đào tạo trình độ liên thông đại học từ năm 2005; đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2016. Nhà trường đã dừng tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp năm 2013; dừng tuyển sinh cao đẳng năm 2019.

Kể từ năm 2019 đến nay, nhà trường tập trung đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ; hướng đến việc mở thêm ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và chuẩn bị cho việc đào tạo tiến sĩ. Dự kiến trong giai đoạn sắp tới, nhà trường sẽ mở thêm các ngành đào tạo trình độ đại học như Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật máy tính, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Tài chính - Ngân hàng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Du lịch, Quản lý xây dựng, và Luật kinh tế.

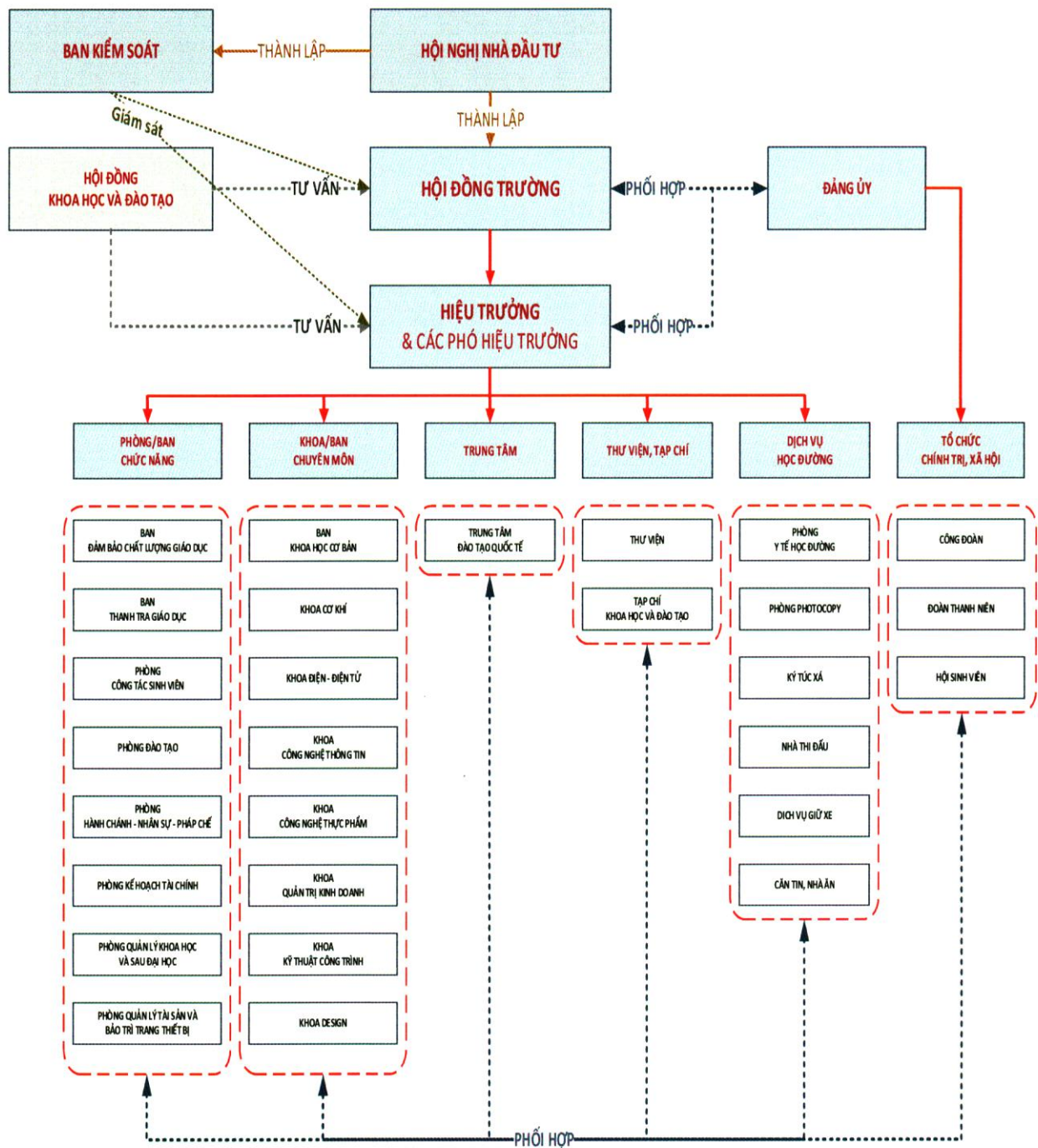
Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, kỹ sư và cử nhân của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thuộc hệ thống văn bằng quốc gia và có giá trị trong cả nước.

Trong giai đoạn 05 năm gần đây, chỉ tiêu tuyển sinh của trường là 1.800 – 2.400 sinh viên/năm học. Quy mô sinh viên của trường khoảng 7.000 sinh viên/năm học. Tổ chức đào tạo các ngành thuộc các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kinh tế - quản lý, và thiết kế - mỹ thuật.

(4) Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được thực hiện theo Khoản 8 Điều 1 Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 và thực tế mô hình quản lý của trường, bao gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; Hội đồng khoa học và đào tạo; các hội đồng khác; Khoa/ban chuyên môn; phòng/ban chức năng; thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo; văn phòng Hội đồng trường; Phân hiệu, viện nghiên cứu, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác (nếu có) được thành lập theo nhu cầu phát triển của trường.

Việc thành lập, giải thể các đơn vị thuộc trường, trực thuộc trường; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của từng đơn vị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế này.



Hình 2.1.01. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

(5) Quy mô đào tạo và các ngành, trình độ, hình thức đào tạo.

Quy mô đào tạo tính đến tháng 05/2025 là 6.905 sinh viên; gồm: Cao học; Đại học; Liên thông đại học; trong đó: số kế hoạch là 5991; số kéo dài là 914.

Hiện nay, STU đang tổ chức đào tạo thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân và cao đẳng (số còn lại chưa tốt nghiệp); nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực: Kỹ thuật Công nghệ; Kinh tế - Quản trị; Thiết kế - Mỹ thuật.

Ngành đào tạo	Hệ chính quy				Hệ vừa làm vừa học	
	Cao học	Đại học	Liên thông	Cao đẳng	Đại học	Liên thông
Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		7510203	7510203	6510304	7510203	7510203
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		7510301	7510301		7510301	7510301
Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông		7510302	7510302		7510302	7510302
Công nghệ thông tin		7480201	7480201	6480201	7480201	7480201
Công nghệ thực phẩm	8540101	7540101	7540101		7540101	7540101
Quản trị kinh doanh		7340101	7340101		7340101	7340101
Kỹ thuật xây dựng		7580201	7580201		7580201	7580201
Thiết kế công nghiệp		7210402	7210402	6210401	7210402	7210402

(6) Hiệu suất đào tạo, số sinh viên đã tốt nghiệp, tỷ lệ sinh tốt nghiệp có việc làm

Tính đến nay, trường đã tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp cho: **35.405 người**.

- Hệ chính quy:
 - + Đại học: tuyển sinh 22 khóa; nhập học: 27.036 người; tốt nghiệp: 12.077 người;
 - + Liên thông đại học từ cao đẳng: tuyển sinh 21 khóa; nhập học: 11.338 người; tốt nghiệp: 9.761 người;
 - + Cao đẳng: tuyển sinh 22 khóa; nhập học: 19.179 người; tốt nghiệp: 11.314 người;
 - + Trung cấp chuyên nghiệp: 09 khóa, nhập học: 3.900 người; tốt nghiệp: 1.819 người.
- Hệ ngoài chính quy (vừa làm vừa học):
 - + Đại học: 08 khóa, 391 người tốt nghiệp;
 - + Liên thông đại học: 04 khóa, 43 người tốt nghiệp.
- Hệ liên kết đào tạo quốc tế: 629 người tốt nghiệp chương trình đào tạo (CTĐT) liên kết quốc tế, do Đại học Troy, Hoa kỳ cấp bằng cử nhân đại học.

Về hiệu quả đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển đầu vào khoảng 65 – 90% tùy loại hình, trình độ đào tạo và ngành học; số có việc làm sau thời gian tốt nghiệp một năm là trên 90%; trong đó, số có việc làm đúng ngành nghề đào tạo là trên 60%.

(7) Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Tính đến nay, toàn trường có 426 cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu; trong đó: 01 giáo sư, 13 phó giáo sư, 51 tiến sĩ, 243 thạc sĩ, 82 kỹ sư/cử nhân, 07 cao đẳng, 05 trung cấp, và 24 lao động phổ thông.

Cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia công tác giảng dạy 309 người; 96,44% giảng viên trình độ sau đại học; về học hàm có 01 giáo sư và 12 phó giáo sư; 51 tiến sĩ, 234 thạc sĩ và 11 kỹ sư/cử nhân đại học.

Ngoài ra, trường có thể mời bổ sung giảng viên thỉnh giảng, cán bộ quản lý và kỹ thuật đến từ các học viện, đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong cả nước để sinh viên có cơ hội học tập, làm việc với đội ngũ giảng viên, chuyên gia chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm.

(8) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

- Tổng diện tích đất của trường: 20.000 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng của trường: 43.542 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 500 chỗ

Với quy mô đào tạo 6.905 sinh viên hiện tại, nhà trường đạt điều kiện gần 4,0 m²/sinh viên.

(9) Về học liệu (sách, tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện:

Ebook, cơ sở dữ liệu điện tử: Trường mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu (CSDL) sau: CSDL IEEE; CSDL Proquest; CSDL Springer; CSDL Wips Global; CSDL Tạp chí chuyên ngành khoa học và công nghệ; CSDL Benito (mua gói 6.000 tài khoản truy cập); CSDL Vitalsource exclusive Package (chọn mua 50 ebook của nhà xuất bản Cengage); Tailieu.vn; Ebook của nhà xuất bản tổng hợp.

Số lượng sách, tạp chí trong thư viện: gần 30.000 đầu sách tập trung nhiều vào các lĩnh vực đang đào tạo: Thiết kế mỹ thuật: 1.885 đầu sách; Kinh tế, Quản lý: 4.863 đầu sách; Công nghệ Kỹ thuật Cơ, điện, viễn thông: 2.910 đầu sách; Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính: 1.557 đầu sách; Công nghệ thực phẩm: 1.433 đầu sách; Kỹ thuật xây dựng: 1.969 đầu sách; Luật, pháp luật: 100 đầu sách; và sách dùng chung cho nhiều lĩnh vực: 7.661 đầu sách.

(10) **Hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế**

Hoạt động khoa học công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà trường đã xây dựng chiến lược, kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2020 – 2025 phù hợp với sứ mạng của trường. Trong giai đoạn 2020 – 2024, nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt thực hiện, kết quả được hội đồng nghiệm thu đánh giá cao về tính mới, tính khoa học và khả năng ứng dụng trong thực tiễn. Cán bộ, giảng viên, sinh viên đã thực hiện 01 đề tài nghiên cứu cấp Bộ và 26 đề tài nghiên cứu cấp trường. Kết quả đề tài cấp trường được ứng dụng để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Tạp chí Khoa học và đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép hoạt động số 1246/GP-BTTTT ngày 05/08/2011 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, xuất bản hai số/năm, thu hút được nhiều nhà khoa học, chuyên gia từ các trường đại học, học viện và công ty tham gia gửi bài công bố kết quả nghiên cứu khoa học mới. Hoạt động khoa học công nghệ của trường đã đóng góp mới cho khoa học qua bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín.

Từ năm 2020 đến nay, giảng viên của trường đã viết và đăng 91 bài báo trên tạp chí khoa học; trong đó 45 bài trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus. Giảng viên cơ hữu đã viết và xuất bản 49 sách, giáo trình, tài liệu chuyên khảo; ngoài ra, còn phối hợp với các trường, đơn vị khác viết các bài báo và đăng tạp chí khoa học, hội thảo, book chapter.

Hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước. Các dự án hợp tác quốc tế hoạt động hiệu quả phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phát triển. Trong những năm qua, các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của trường được tập trung vào một số hình thức: liên kết đào tạo; phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; trao đổi học thuật; mời giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy CTĐT trình độ thạc sĩ, đại học và cao đẳng của trường; chương trình trao đổi sinh viên; cấp học bổng cho sinh viên của trường theo học chương trình quốc tế và đi du học nước ngoài trong chương trình liên kết. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024, trường đã ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) và văn bản thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài và trong nước. Năm 2024, trong khuôn khổ chương trình giáo sư tình nguyện, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã tổ chức thành công nhiều seminar chuyên ngành với sự tham gia của các giáo sư, chuyên gia đến từ các nước Đài Loan, Ý, Đức, ...

(11) **Hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục**

Tháng 04/2017, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn trở thành thành viên liên kết của AUN-QA Network (Asean University Network – Quality Assurance Network).

Hoạt động đảm bảo chất lượng, tự đánh giá, đăng ký kiểm định chất lượng của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là quá trình hoạt động thường xuyên và liên tục.

Đến Tháng 10/2024, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã đạt chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo:

- **Đạt chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục hai chu kỳ liên tiếp:** Chu kỳ 1: 2018 – 2023 và Chu kỳ 2: 2023 – 2028 theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT)

- **Đạt chuẩn kiểm định 100% CTĐT các ngành hiện đang đào tạo** trình độ đại học theo bộ tiêu chuẩn đánh giá của ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN-QA) và bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ GDĐT.

(12) Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là cơ sở giáo dục được tự chủ trong công tác mở ngành đào tạo trình độ đại học.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã chuyển đổi loại hình trường sang tự thực và đáp ứng các điều kiện thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục (CSGD) đại học được quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Luật Giáo dục đại học.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã thành lập Hội đồng trường. Trường đã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy chế Tài chính; Quy chế Giảng dạy, Quy chế Quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ, Quy chế Công tác sinh viên; quy định quản lý nội bộ, quy trình công tác khác. Trường thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong trường.

Trường đã xây dựng chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn do nhà nước quy định. Trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng CSGD đại học chu kỳ 1 (2018 – 2023) và chu kỳ 2 (2023 – 2029).

Trường đã thực hiện công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả kiểm định, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Giới thiệu về Khoa quản lý ngành đào tạo

(1) Khoa quản lý ngành:

- Tên tiếng Việt: **Ban Khoa học Cơ bản**
- Tên tiếng Anh: Department of Fundamental Sciences
- Năm thành lập: Năm 2008

(2) Ban chủ nhiệm khoa, bộ máy và tổ chức của Khoa/Ban

- Trưởng ban: **PGS. TS. Trần Quang Hiếu**
- Phó trưởng ban: **ThS. Phan Thị Bích Trâm**
- Trưởng bộ môn Pháp luật: **ThS. Vũ Thị Bích Hương**

(3) Quản lý chuyên môn đào tạo:

Ban Khoa học Cơ bản chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn đối với các học phần giáo dục đại cương và cơ sở nền tảng trong chương trình đào tạo đại học của Trường. Ban là đơn vị đầu mối tổ chức giảng dạy, xây dựng kế hoạch, rà soát và cải tiến nội dung các học phần thuộc khối kiến thức chung và cơ bản, nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ cho sinh viên ở tất cả các ngành đào tạo.

Ban Khoa học Cơ bản đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng nền tảng kiến thức chung, góp phần đảm bảo chất lượng đào tạo liên ngành và tăng cường năng lực học thuật cho sinh viên ngay từ giai đoạn đầu của chương trình đào tạo.

Hiện nay, Ban Khoa học Cơ bản quản lý trực tiếp 06 bộ môn chuyên môn, bao gồm:

- **Bộ môn Chính trị:** Phụ trách giảng dạy các học phần thuộc khối chính trị Mác Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- **Bộ môn Giáo dục thể chất:** Tổ chức các học phần rèn luyện thể chất, giáo dục thể thao, nâng cao thể lực và ý thức rèn luyện sức khỏe cho sinh viên.
- **Bộ môn Pháp luật:** Đảm nhiệm các học phần nền tảng về pháp luật đại cương, pháp luật kinh tế, pháp luật trong chuyên ngành ứng dụng.
- **Bộ môn Tiếng Anh:** Phụ trách các học phần tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành, góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

- **Bộ môn Toán:** Giảng dạy các học phần toán học cơ bản và toán ứng dụng, làm nền tảng cho các ngành kỹ thuật, công nghệ và kinh tế.
- **Bộ môn Vật lý:** Đảm nhiệm các học phần vật lý đại cương và vật lý kỹ thuật, hỗ trợ sinh viên tiếp cận tư duy khoa học và nền tảng kỹ thuật cơ bản.

Bước đầu, nhà trường giao cho Ban Khoa học Cơ bản, Bộ môn Pháp luật chịu trách nhiệm chính về chuyên môn đào tạo ngành **Luật kinh tế, mã ngành 7380107**. Ban Khoa học Cơ bản chủ trì và phối hợp cùng Khoa/Ban khác tổ chức triển khai chương trình.

Hướng đến, khi mở ngành và tuyển sinh các khóa, tùy theo quy mô đào tạo, nhà trường có kế hoạch phát triển tổ chức Bộ môn thành Khoa chuyên môn, hay Ngành với nhân sự chủ trì là Trưởng Khoa, hay Trưởng ngành.

(4) **Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên:**

Nhân sự thuộc Ban Khoa học Cơ bản bao gồm:

- Cơ hữu: 03 Phó giáo sư – Tiến sĩ; 04 Tiến sĩ; 23 Thạc sĩ; 01 Đại học. Tổng cộng: 31 người.
- Thỉnh giảng: 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ; 11 Tiến sĩ; 48 Thạc sĩ; 04 Đại học. Tổng cộng: 64 người.

Đội ngũ giảng viên có chuyên môn trong lĩnh vực Luật học, Luật kinh tế bao gồm:

- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn trong lĩnh vực Luật học, Luật kinh tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn chuyên đề:
 - + Bộ môn Pháp luật Ban Khoa học Cơ bản: 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ; 03 Tiến sĩ; 05 thạc sĩ. Tổng cộng: 09 người.
 - + Khoa/Ban chuyên môn khác: 01 Tiến sĩ; 03 Thạc sĩ; 03 Đại học. Tổng cộng: 07 người.
- Giảng viên thỉnh giảng thuộc Bộ môn Pháp luật, Ban Khoa học Cơ bản có chuyên môn trong lĩnh vực Luật kinh tế tham gia giảng dạy: 04 Tiến sĩ; 12 Thạc sĩ.

Ngoài ra, đối với các môn học khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, kinh tế ... có thể do giảng viên cơ hữu thuộc các Khoa/Ban chuyên môn khác phụ trách giảng dạy.

(5) **Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu của Ban Khoa học Cơ bản.**

STT	Họ tên	Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
1	Trịnh Ngọc An	01/01/1962	THS	Toán; Đại số và lý thuyết số
2	Bùi Thị Vân Anh	07/03/1987	THS	Luật học; Luật
3	Nguyễn Thị Thanh Bình	26/07/1979	THS	Luật; Luật kinh tế
4	Nguyễn Văn Hải	17/08/1961	THS	Kinh tế chính trị
5	Lý Gia Hán	25/06/1995	THS	Giáo dục thể chất; Giáo dục học
6	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	15/07/1973	THS	Anh văn; Ngôn ngữ học so sánh
7	Trần Quang Hiếu	01/01/1978	PGS - TS	Hóa học; Hóa phân tích
8	Phùng Văn Hiệu	20/03/1992	THS	Luật; Luật dân sự và tố tụng dân sự
9	Nguyễn Huy Hoàn	06/06/1960	TS	Luật Quốc tế; Tiếng Anh; Hình sự và tố tụng hình sự; Luật học
10	Trần Ngọc Hội	02/01/1961	TS	Đại số; Toán học
11	Phạm Hoài Huân	08/12/1983	TS	Luật học; Luật kinh tế
12	Vũ Thị Bích Hường	04/01/1963	THS	Luật học
13	Nguyễn Thị Lệ	26/01/1991	THS	Triết học
14	Võ Văn Mười	10/12/1970	THS	Chủ nghĩa xã hội khoa học
15	Thái Mỹ Ngân	26/10/1989	THS	LL&PP dạy học Tiếng Anh

STT	Họ tên	Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
16	Phùng Tuấn Ngọc	07/08/1995	THS	Ngôn ngữ Anh; LL&PP dạy học Tiếng Anh
17	Lương Tuấn Phương	14/07/1978	THS	Thể dục thể thao; Giáo dục thể chất
18	Nguyễn Thị Trúc	10/05/1989	THS	Sư phạm Toán; Lý thuyết XS và TK toán học
19	Quách Võ Hoàng	21/05/1995	THS	Lịch sử khảo cổ học; Lịch sử Đảng cộng sản VN
20	Huỳnh Anh Tấn	25/05/1980	THS	Vật lý hạt nhân; Vật lý địa cầu
21	Nguyễn Hoàng Mỹ	09/08/1979	THS	Ngữ văn Anh, Quản trị kinh doanh
22	Nguyễn Thị Dạ Thảo	24/10/1992	THS	Sư phạm Tiếng Anh; Giáo dục đặc biệt, nâng cao
23	Phạm Ngọc Thảo	24/10/1992	THS	Vật lý học; Vật lý địa cầu
24	Phan Quang Thịnh	10/06/1959	PGS - TS	Điều tra hình sự; Điều tra tội phạm; Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật
25	Bùi Thị Mỹ Tiên	06/01/1990	ĐH	Quản trị kinh doanh
26	Phan Thị Bích Trâm	14/08/1981	THS	Triết học
27	Phan Thị Mỹ Trang	13/10/1985	THS	Ngữ văn Anh; LL&PP dạy học Tiếng Anh
28	Nguyễn Thị Ngọc Tú	16/12/1993	THS	Luật học; Luật dân sự và tố tụng dân sự
29	Trương Văn Tú	14/06/1990	THS	Giáo dục thể chất
30	Nguyễn Thành Vắn	15/06/1954	PGS - TS	Vật lý địa cầu; Vật lý và Toán
31	Trương Vĩnh Xuân	02/07/1978	TS	Luật thương mại; Luật học; Luật kinh tế

III. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

3.1. Việc mở ngành Luật kinh tế phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, quốc gia.

Việc mở ngành **Luật Kinh tế** là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, hoạt động sản xuất – kinh doanh, đầu tư trong nước và quốc tế đòi hỏi ngày càng cao về tính pháp lý, minh bạch, tuân thủ luật pháp, và quản trị rủi ro pháp lý trong doanh nghiệp. Điều này kéo theo nhu cầu lớn về đội ngũ cử nhân Luật Kinh tế có năng lực chuyên môn vững vàng, hiểu biết pháp luật và có khả năng tư vấn, phân tích, áp dụng pháp luật trong môi trường kinh doanh đa dạng và phức tạp.

Tại khu vực TP. Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long – trung tâm kinh tế, thương mại, đầu tư và dịch vụ của cả nước – nhu cầu tuyển dụng nhân sự trong lĩnh vực pháp lý doanh nghiệp, luật thương mại, luật đầu tư, luật sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp đang ngày càng tăng cao. Ngoài ra, định hướng phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh và chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp cũng đặt ra yêu cầu mới về nguồn nhân lực pháp lý có tư duy tích hợp liên ngành.

Bên cạnh đó, các chính sách quốc gia về cải cách tư pháp, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, và phát triển đội ngũ cán bộ pháp luật trong doanh nghiệp cũng là những cơ sở quan trọng khẳng định tính cần thiết và chiến lược của việc đào tạo ngành Luật Kinh tế tại các cơ sở giáo dục đại học.

Do đó, việc Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn triển khai đào tạo ngành Luật Kinh tế không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường lao động tại địa phương và vùng kinh tế trọng điểm, mà còn góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - pháp lý – xã hội của quốc gia trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

3.2. Việc mở ngành Luật kinh tế phù hợp với chiến lược phát triển nhà trường.

Việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế là bước đi chiến lược, phù hợp với định hướng phát triển Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn trong giai đoạn tới. Với định hướng trở thành trường đại học ứng dụng, nhà trường chú trọng xây dựng hệ sinh thái đào tạo liên ngành, gắn kết giữa khối ngành kỹ thuật – công nghệ với nhóm ngành kinh tế, quản lý và pháp luật. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và chuyển đổi số, nhu cầu nhân lực có nền tảng pháp lý vững chắc, am hiểu kinh tế, có khả năng tư duy thực tiễn và thích ứng nhanh với thị trường lao động đang ngày càng tăng.

Ngành Luật kinh tế không chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội mà còn là mảnh ghép quan trọng để nhà trường phát triển các chương trình đào tạo liên ngành như: Luật và Công nghệ, Luật và Kinh doanh, Luật và Khởi nghiệp. Đồng thời, việc mở ngành này tạo điều kiện để nhà trường mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật, cơ quan quản lý nhà nước và hội nghề nghiệp, từ đó tăng cường cơ hội thực tập, việc làm và khởi nghiệp cho sinh viên. Mặt khác, ngành Luật kinh tế cũng góp phần nâng cao vai trò của nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của TP. Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

3.3. Việc mở ngành Luật kinh tế phù hợp với năng lực của nhà trường.

Việc mở ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn hoàn toàn phù hợp với năng lực hiện có của nhà trường trên các phương diện: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, học liệu, và hệ thống quản lý đào tạo.

Về đội ngũ, ngoài đội ngũ cơ hữu và thỉnh giảng tại Ban Khoa học Cơ bản – Bộ môn Pháp luật với 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ, 03 Tiến sĩ và 05 Thạc sĩ chuyên ngành Luật học, Luật kinh tế, Luật dân sự – nhà trường còn có các giảng viên chuyên ngành Luật đang biên chế tại các khoa, ban khác. Cụ thể, từ các đơn vị chuyên môn khác, có thêm 01 Tiến sĩ, 03 Thạc sĩ và 03 cử nhân ngành Luật, sẵn sàng tham gia giảng dạy, xây dựng học liệu, hướng dẫn chuyên đề. Ngoài ra, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng gồm 04 Tiến sĩ và 12 Thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế từ các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp pháp lý cũng được huy động để đảm bảo chất lượng chuyên môn và kết nối thực tiễn.

Về cơ sở vật chất, nhà trường có diện tích sàn xây dựng hơn 43.500 m², đáp ứng đầy đủ các điều kiện tổ chức lớp học lý thuyết, học phần chuyên đề kỹ năng pháp lý, phòng học thực hành tình huống mô phỏng, học trực tuyến và hỗ trợ học liệu điện tử. Các phòng học hiện đại, hệ thống mạng nội bộ và nền tảng LMS sẵn sàng phục vụ đào tạo ngành Luật kinh tế theo hướng tích hợp, ứng dụng và số hóa.

Về học liệu, thư viện trung tâm cung cấp gần 30.000 đầu sách và tài liệu chuyên ngành, trong đó có hơn 100 đầu sách lĩnh vực luật – pháp lý và trên 4.800 đầu sách kinh tế – quản trị, đảm bảo tài nguyên học thuật liên ngành cho chương trình Luật kinh tế. Thư viện còn có quyền truy cập vào nhiều cơ sở dữ liệu điện tử quốc tế như ProQuest, Springer, IEEE, Benito và VitalSource, cùng hệ thống học liệu nội bộ do giảng viên biên soạn.

Về quản lý đào tạo, Trường đã được kiểm định đạt chuẩn cơ sở giáo dục đại học 2 chu kỳ liên tiếp, kiểm định toàn bộ chương trình đào tạo hiện hành theo AUN-QA và chuẩn quốc gia. Hệ thống quản lý học vụ, kiểm định nội bộ, bảo đảm chất lượng và quản trị chương trình được vận hành hiệu quả, phù hợp để triển khai ngành Luật kinh tế theo đúng quy định và tiêu chuẩn của Bộ GDĐT.

Như vậy, năng lực tổng thể về đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu và quản lý đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn hoàn toàn đáp ứng yêu cầu mở ngành Luật kinh tế, góp phần mở rộng định hướng đào tạo liên ngành, hội nhập và đáp ứng nhu cầu nhân lực pháp lý chất lượng cao trong thời kỳ chuyển đổi số.

3.4. Lý do mở ngành đào tạo

(1) **Đánh giá về mức độ cần thiết, nhu cầu việc làm và yêu cầu về năng lực làm việc của Cử nhân ngành Luật kinh tế qua việc khảo sát ý kiến các bên liên quan.**

Kết quả khảo sát ý kiến từ các bên liên quan gồm: doanh nghiệp, cơ sở hành nghề luật, chuyên gia, cựu sinh viên và sinh viên các ngành gần cho thấy nhu cầu tuyển dụng cử nhân ngành Luật kinh tế đang gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt tại khu vực TP. Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long – nơi tập trung đông đảo các doanh nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ và đầu tư quốc tế.

Cụ thể, hơn 85% doanh nghiệp và tổ chức được khảo sát cho biết có nhu cầu tuyển dụng nhân sự chuyên môn pháp lý phục vụ công tác tư vấn đầu tư, hợp đồng, giải quyết tranh chấp, sở hữu trí tuệ, thuế và pháp chế nội bộ. Đáng chú ý, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, cũng như các công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh tế số đều bày tỏ mong muốn có đội ngũ cử nhân Luật kinh tế có năng lực tích hợp pháp luật – kinh doanh – công nghệ.

Về yêu cầu năng lực, các bên liên quan đánh giá cao những tiêu chí sau đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế: (1) hiểu biết vững vàng về hệ thống pháp luật Việt Nam và quốc tế; (2) có khả năng tư duy phân tích – phản biện các vấn đề pháp lý trong kinh doanh; (3) kỹ năng giao tiếp, tư vấn, soạn thảo văn bản và xử lý tình huống pháp lý thực tiễn; (4) năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hành nghề pháp lý; và (5) có đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và khả năng hội nhập.

Ngoài ra, hơn 70% doanh nghiệp được khảo sát cũng đề xuất chương trình đào tạo nên tăng cường các học phần kỹ năng thực hành nghề luật, mô phỏng tranh tụng, tư vấn pháp lý doanh nghiệp, pháp luật số và các nội dung mới như pháp luật dữ liệu, hợp đồng điện tử, pháp lý khởi nghiệp. Điều này cho thấy yêu cầu đào tạo gắn liền với thực tiễn, sát với thị trường lao động và đổi mới theo bối cảnh chuyển đổi số là hết sức cần thiết.

Từ kết quả khảo sát, có thể khẳng định rằng: Việc đào tạo cử nhân ngành Luật kinh tế là thực sự cần thiết và cấp bách, góp phần giải quyết khoảng trống nhân lực pháp lý trong doanh nghiệp hiện nay, đồng thời tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp đa dạng, hội nhập cho người học. Chương trình đào tạo cần hướng tới chuẩn năng lực toàn diện, tích hợp pháp lý – kinh doanh – công nghệ, để đáp ứng kỳ vọng từ thị trường lao động và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội.

(2) Sự cần thiết đào tạo ngành Luật kinh tế tại khu vực TP. Hồ Chí Minh, Vùng Đông Nam Bộ, và Đồng bằng Sông Cửu Long.

Khu vực TP. Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long là trung tâm kinh tế – tài chính – thương mại lớn nhất cả nước, quy tụ hơn 60% doanh nghiệp đang hoạt động, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất, logistics, đầu tư bất động sản, thương mại quốc tế, và chuyển đổi số. Tại đây, nhu cầu về đội ngũ chuyên gia pháp lý am hiểu kinh tế và kinh doanh ngày càng tăng mạnh, nhất là khi hoạt động quản trị doanh nghiệp ngày càng chú trọng tính tuân thủ pháp lý, quản trị rủi ro và giải quyết tranh chấp thương mại.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đang triển khai chính sách sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện, việc sáp nhập một số địa phương trong vùng (như Đồng Nai – Bình Dương – TP. Hồ Chí Minh; Long An – Tiền Giang; Hậu Giang – Cần Thơ...) đặt ra yêu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực pháp lý chuyên nghiệp, để đảm bảo quá trình điều phối hành chính – pháp lý, tái cấu trúc hệ thống chính quyền địa phương, tổ chức lại hệ thống quản lý đất đai, đầu tư công, tài sản công, các hợp đồng chuyển tiếp, và giải quyết tranh chấp phát sinh sau sáp nhập.

Không chỉ khu vực công, khối doanh nghiệp cũng phải thích ứng với thay đổi chính sách, luật địa phương và mô hình quản trị mới sau sáp nhập. Vì vậy, nhu cầu tuyển dụng cử nhân Luật kinh tế có khả năng phân tích pháp lý, vận dụng luật vào thực tiễn kinh doanh, xử lý tranh chấp, tư vấn đầu tư và thích ứng quy định pháp lý đa cấp đang trở nên cấp bách.

Bên cạnh đó, các xu hướng mới như phát triển kinh tế số, luật thương mại điện tử, pháp lý trong AI và dữ liệu, và luật sở hữu trí tuệ trong chuyển giao công nghệ cũng đòi hỏi lực lượng pháp lý chất lượng cao, có khả năng tích hợp đa ngành. Đây chính là khoảng trống lớn mà các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt

là tại TP. Hồ Chí Minh và vùng phụ cận, cần chủ động bù đắp thông qua việc phát triển các chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế theo hướng ứng dụng – thực tiễn – liên ngành.

Với vị trí địa lý thuận lợi, nhu cầu thị trường rõ ràng và yêu cầu mới về luật hóa các lĩnh vực kinh tế hiện đại, có thể khẳng định: Việc đào tạo ngành Luật kinh tế tại khu vực TP. Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long là thực sự cần thiết, không chỉ góp phần giải quyết nhu cầu nhân lực trước mắt mà còn định hình nguồn lực pháp lý chiến lược trong giai đoạn tái cấu trúc quốc gia và phát triển kinh tế vùng.

(3) Định hướng phát triển của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và Bộ môn Pháp luật đối với việc đào tạo ngành Luật kinh tế.

Việc đào tạo ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là một phần trong chiến lược phát triển dài hạn của nhà trường nhằm mở rộng lĩnh vực đào tạo theo hướng đa ngành – ứng dụng – hội nhập quốc tế. Với mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học uy tín trong lĩnh vực công nghệ, quản trị và luật – kinh tế liên ngành, nhà trường định hướng xây dựng chương trình Luật kinh tế theo mô hình “cử nhân pháp lý ứng dụng trong kinh doanh”, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn hội nhập và chuyển đổi số.

Bộ môn Pháp luật – đơn vị chuyên môn trực thuộc Ban Khoa học Cơ bản – được giao nhiệm vụ chủ trì công tác phát triển chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Với nền tảng hơn 15 năm đảm nhiệm các học phần pháp luật đại cương, pháp luật kinh tế và pháp luật ứng dụng trong nhiều ngành kỹ thuật – công nghệ – kinh doanh, Bộ môn Pháp luật đã tích lũy kinh nghiệm đào tạo liên ngành và xây dựng đội ngũ giảng viên chuyên sâu, bao gồm 01 PGS.TS, 03 Tiến sĩ và nhiều Thạc sĩ chuyên ngành Luật học, Luật dân sự, Luật kinh tế, Luật thương mại.

Trong giai đoạn 2025–2030, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, Ban Khoa học Cơ bản và Bộ môn Pháp luật định hướng phát triển ngành Luật kinh tế theo các trục chiến lược sau:

- Đào tạo theo định hướng ứng dụng – khởi nghiệp: Chương trình thiết kế theo năng lực hành nghề, gắn lý thuyết với tình huống thực tiễn; chú trọng các kỹ năng tư vấn, đàm phán, giải quyết tranh chấp và sử dụng công cụ số trong hành nghề pháp lý.
- Tăng cường tích hợp liên ngành: Phát triển học phần giao thoa giữa pháp luật và công nghệ, pháp luật và quản trị như: Pháp luật kinh doanh số, Pháp luật dữ liệu – an ninh mạng, Luật sở hữu trí tuệ – đổi mới sáng tạo...
- Liên kết doanh nghiệp – tổ chức hành nghề luật: Ký kết hợp tác với công ty luật, phòng pháp chế doanh nghiệp, tòa án, trung tâm trọng tài để triển khai kiến tập – thực tập – seminar chuyên đề.
- Từng bước hình thành Khoa Luật kinh tế: Tùy theo quy mô đào tạo và tiến độ phát triển, nhà trường sẽ tổ chức tái cấu trúc, nâng cấp Bộ môn Pháp luật thành Khoa độc lập để mở rộng quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển học thuật chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý trong kinh doanh.

Với định hướng rõ ràng, nền tảng đội ngũ vững chắc và chiến lược gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, Ban Khoa học Cơ bản và Bộ môn Pháp luật cam kết triển khai đào tạo ngành Luật kinh tế một cách chất lượng, hiệu quả và bền vững.

(4) Cam kết chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế.

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế theo đúng chuẩn quy định của Bộ GDĐT, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xu thế phát triển xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được xây dựng bài bản, khoa học, trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ GDĐT và chương trình của các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, đồng thời điều chỉnh phù hợp với định hướng đào tạo ứng dụng của nhà trường. Chương trình tích hợp chặt chẽ

kiến thức pháp luật, kinh tế và kỹ năng nghề nghiệp, chú trọng phát triển năng lực thực hành, tư duy phản biện và khả năng ứng dụng pháp lý vào môi trường kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực.

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình có trình độ từ thạc sĩ trở lên, phần lớn là tiến sĩ và chuyên gia thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế. Nhà trường đảm bảo đầy đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với từng học phần.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo được đầu tư đồng bộ, hiện đại, bao gồm giảng đường, phòng học, hệ thống máy tính, thư viện với gần 30.000 đầu sách và nhiều cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành luật và kinh tế. Hệ thống học liệu điện tử, nền tảng LMS và tài nguyên số được triển khai hiệu quả nhằm hỗ trợ học tập, kiểm tra – đánh giá và tự học của sinh viên.

Bên cạnh đó, nhà trường áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo quy chuẩn quốc gia và quốc tế (AUN-QA), tổ chức rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo định kỳ; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật và các cơ quan pháp luật để nâng cao tính thực tiễn, tạo điều kiện thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp và cơ hội việc làm cho sinh viên.

Với sự chuẩn bị nghiêm túc, chiến lược phát triển rõ ràng và chính sách đầu tư toàn diện, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế, góp phần cung cấp nguồn nhân lực pháp lý – kinh doanh chất lượng cao cho khu vực và cả nước.

IV. Chương trình đào tạo

4.1. Căn cứ xây dựng chương trình, các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và quyết định mở ngành.

CTĐT trình độ đại học ngành Luật kinh tế được xây dựng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành, văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, bao gồm:

- Luật Giáo dục năm 2019 và Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GDĐT quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ đại học;
- Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ;
- Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014; Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT;
- Khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 25/03/2025; Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GDĐT;
- Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 28/03/2025 của Bộ GDĐT.

- Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ GDĐT ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;
- Quyết định số: 495-24/QĐ-DSG-ĐT ngày 25/09/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về điều kiện, xây dựng hồ sơ, quy trình công tác mở ngành đào tạo trình độ giáo dục đại học (đại học, thạc sĩ và tiến sĩ) tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Các văn bản liên quan đến quá trình xây dựng CTĐT và mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, bao gồm:

- Nghị Quyết số 158/NQ-DSG-HĐT ngày 13/11/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Phương hướng và nhiệm vụ năm học 2024 – 2025;
- Tờ trình số 539-24/CV-DSG-ĐT ngày 13/12/2024 của Ban Khoa học Cơ bản về việc đề xuất mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Biên bản số 013-24/BB-DSG-HĐKHĐT ngày 16/12/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Nghị quyết số 16/NQ-DSG-HĐT ngày 06/01/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thông qua chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Quyết định số 018-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 07/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc phân công Khoa/Ban chuyên môn chủ trì công tác mở ngành và quản lý ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Quyết định số 037-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 10/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Quyết định số 038-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 10/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thành lập Hội đồng Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107).
- Quyết định số 268-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 05/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Biên bản họp ngày 15/05/2025 của Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo về việc thẩm định và thông qua Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107). Kết quả thẩm định: Đạt;
- Biên bản số 159-25/BB-DSG-HĐKHĐT ngày 03/06/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn thẩm định và thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107). Kết quả thẩm định: Đạt;
- Quyết định số 308-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Quyết định số 318-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 04/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc phê duyệt Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107);
- Quyết định số 344-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 12/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn về việc Mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (7380107) từ khóa tuyển sinh năm 2025.

4.2. Tham khảo chương trình khung và chương trình đào tạo trường đại học trong và ngoài nước:

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đã tiến hành tham khảo Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ GDĐT (sau đây gọi tắt là chương trình khung) cũng như các chương trình đào tạo thực tế từ các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong và ngoài nước.

Ở trong nước, nhà trường đã đối sánh với chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của một số trường đại học tiêu biểu như: Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế – Luật (ĐHQG TP.HCM), Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng. Các chương trình trên có cấu trúc đào tạo theo hướng tích hợp giữa lý luận pháp lý nền tảng và pháp luật trong các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư, lao động, tài chính – ngân hàng, đất đai, sở hữu trí tuệ, và giải quyết tranh chấp. Đồng thời, các trường cũng chú trọng bổ sung kỹ năng hành nghề luật, soạn thảo hợp đồng, đàm phán, tố tụng và pháp lý quốc tế. Đây là cơ sở quan trọng để Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn điều chỉnh nội dung đào tạo sát thực tiễn và theo hướng ứng dụng.

Ở ngoài nước, nhà trường đã tham khảo chương trình cử nhân Luật thương mại và Luật kinh doanh của các trường: National University of Singapore (NUS), City University of Hong Kong (School of Law), Monash University (Australia), Maastricht University (Netherlands), University of Glasgow (UK), Đại học Nagoya (Nhật Bản) – đối với chương trình Luật Kinh tế Quốc tế bằng tiếng Anh. Các chương trình này nhấn mạnh việc trang bị cho sinh viên khả năng tư duy pháp lý hiện đại, xử lý các vấn đề pháp lý xuyên quốc gia, phát triển kỹ năng lập luận, tranh biện và tư vấn trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Ngoài ra, một số chương trình còn lồng ghép các học phần về pháp luật số, blockchain, AI và quyền riêng tư dữ liệu – là những xu hướng mới trong luật kinh tế thế giới.

Việc tham khảo và đối sánh này đã giúp Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn:

- Đảm bảo chương trình đào tạo xây dựng theo đúng chuẩn đầu ra,
- hài hòa giữa lý luận pháp lý và năng lực nghề nghiệp thực tiễn,
- Tích hợp các nội dung hiện đại như luật công nghệ, pháp luật kinh tế số, pháp luật môi trường kinh doanh xuyên biên giới.
- Tỷ lệ tương đồng giữa chương trình của nhà trường và các chương trình đối sánh đạt từ 75–85%, đảm bảo tính chuẩn hóa trong khuôn khổ quốc gia, đồng thời giữ được bản sắc ứng dụng – liên ngành – thực tiễn của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

4.3. Khung chương trình đào tạo

(1) **Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế (7380107) được ban hành kèm theo Quyết định số 308-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/06/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.**

(2) **Chương trình gồm 128 tín chỉ; chia làm các khối kiến thức:**

- Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - + Giáo dục thể chất;
 - + Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- Kiến thức giáo dục đại cương:
 - + Kiến thức chính trị, khoa học xã hội;
 - + Kiến thức khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin (nếu có);
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - + Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - + Kiến thức ngành;
 - + Kiến thức chuyên ngành;

- Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.

(3) Nhóm môn học trong chương trình

Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn đã liệt kê các môn học mà sinh viên có thể chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp. Trong chương trình, sinh viên lựa chọn các môn học tự chọn, chiếm khoảng 10 – 15 % tín chỉ trong danh sách môn học đề xuất.

Nhóm các môn học trong chương trình:

- Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (chứng chỉ, chứng nhận).
- Các môn học lý thuyết; môn học lý thuyết có bài tập, thực hành;
- Các môn học thực hành, thực tập tại phòng thực hành và chuyên đề;
- Các môn học có đi kiến tập, thực tập và làm đồ án, bài tập lớn;
- Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- Các môn học bắt buộc và nhóm môn học tự chọn.

(4) Phân bố khối kiến thức trong chương trình.

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90	30.00	210	70.00	375
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300		90	30.00	210	70.00	375
– [0] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54.55	75	45.45	240
– [0] Giáo dục Thể chất	0		135		0	00.00	135	100.00	135
Môn học trong chương trình đào tạo	128		2310	100.00	1590	68.83	720	31.17	3645
Kiến thức Giáo dục đại cương	18	14.06	270	11.69	270	100.00	0	00.00	540
– [1] Khoa học tự nhiên	/	/	/	/	/	/	/	/	/
– [2] Khoa học xã hội	18	14.06	270	11.69	270	100.00	0	00.00	540
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	76.56	1500	64.94	1320	88.00	180	12.00	2925
– [3] Cơ sở ngành	42	32.81	630	27.27	585	92.86	45	07.14	1260
– [4] Chuyên ngành:	56	43.75	870	37.66	735	84.48	135	15.52	1665
o [4.1] Ngành	29	22.66	435	18.83	435	100.00	0	00.00	870
o [4.2] Chuyên ngành chuyên sâu	17	13.28	285	12.34	165	57.89	120	42.11	495
o [4.0] Chuyên ngành tự chọn	10	07.81	150	06.49	135	90.00	15	10.00	300
Bài thi tốt nghiệp	12	09.38	540	23.38	0	00.00	540	100.00	180
– [5.1] Thực tập tốt nghiệp	6	04.69	270	11.69	0	00.00	270	100.00	90
– [5.2] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	6	04.69	270	11.69	0	00.00	270	100.00	90

4.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

(1) Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Chương trình đào tạo được thiết kế theo trình tự logic giữa các khối kiến thức, bảo đảm tính hệ thống và tính liên thông giữa các học phần. Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi để người học lựa chọn lộ trình học tập phù hợp với năng lực, định hướng nghề nghiệp và mục tiêu phát triển cá nhân. Tùy theo năng lực, sinh viên có thể linh hoạt rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo tiến độ học tập thực tế (xem chi tiết tại Phụ

lục 1 – Kế hoạch giảng dạy chi tiết, Bản mô tả chương trình đào tạo đại học ngành Luật kinh tế (7380107) ban hành kèm theo Quyết định số 308-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/06/2025 của Hiệu trưởng).

(2) Nội dung chương trình

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		/	300	90	210	375
			Giáo dục Quốc phòng - An ninh		/	165	90	75	240
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	/	165	90	75	240
			Giáo dục thể chất		/	135	0	135	135
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	/	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	/	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	/	45	0	45	45
			Kiến thức toàn khóa		128	2310	1590	720	3645
			Kiến thức giáo dục đại cương		18	270	270	0	540
			Nhóm môn Khoa học xã hội		18	270	270	0	540
5	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
6	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
7	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
8	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
9	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HK2	BL70001	Kinh tế học đại cương	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
11	HK2	BL70002	Tâm lý học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
12	HK6	BL70003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		110	2040	1320	720	3105
			Nhóm môn kiến thức Cơ sở ngành		42	630	585	45	1260
13	HK3	BL70004	Tiếng Anh pháp lý 1	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
14	HK4	BL70005	Tiếng Anh pháp lý 2	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK1	BL00001	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	4[4.0.8]	4	60	60	0	120
16	HK2	BL00002	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK1	BL00003	Những vấn đề chung về Pháp luật Dân sự	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
18	HK1	BL00004	Pháp luật về Hiến pháp	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
19	HK1	BL00005	Pháp luật về Hình sự 1	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
20	HK2	BL00006	Pháp luật về Hình sự 2	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
21	HK2	BL00007	Pháp luật về Nghĩa vụ và hợp đồng	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
22	HK3	BL00008	Pháp luật về Hành chính	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
23	HK3	BL00009	Pháp luật về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
24	HK3	BL00010	Pháp luật về Tố tụng hình sự	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK4	BL00011	Pháp luật về Tố tụng dân sự	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK4	BL00012	Pháp luật về An sinh xã hội	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
27	HK5	BL00013	Pháp luật về Tố tụng hành chính	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
28	HK5	BL00014	Công pháp Quốc tế	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức	Mô tả tin chỉ	Tin chỉ	Số tiết thực hiện			
			Tên môn học			Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
29	HK5	BL00015	Tư pháp Quốc tế	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Nhóm môn kiến thức ngành		29	435	435	0	870
30	HK3	BL00016	Pháp luật về Lao động	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
31	HK3	BL00017	Pháp luật về Doanh nghiệp	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
32	HK4	BL00018	Pháp luật về Đầu tư	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
33	HK4	BL00019	Pháp luật về Thuế trong kinh doanh	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
34	HK5	BL00020	Pháp luật về Đất đai	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
35	HK5	BL00021	Pháp luật về Sở hữu trí tuệ	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
36	HK5	BL00022	Pháp luật về Ngân hàng	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
37	HK6	BL00023	Pháp luật về Thương mại Quốc tế	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
38	HK6	BL00024	Pháp luật về Môi trường	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
39	HK7	BL00025	Pháp luật về Xuất nhập khẩu	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
40	HK7	BL00026	Pháp luật về Thương mại điện tử	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
41	HK7	BL00027	Pháp luật về Phá sản	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Nhóm môn kiến thức chuyên ngành		17	285	165	120	495
42	HK1	BL00028	Kỹ năng hội nhập quốc tế	4[2.2.8]	4	60	30	30	120
43	HK2	BL00029	Kỹ năng nghiên cứu và học Luật	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
44	HK4	BL00030	Tư duy pháp lý	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
45	HK4	BL00031	Kỹ năng đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
46	HK6	BL00032	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
47	HK6	BL00033	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
48	HK6	BL00034	Các học thuyết chính trị pháp lý	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
49	HK8	BL00035	Kiến tập	1[0.1.1]	1	45	0	45	15
			Nhóm môn tự chọn		10	150	135	15	300
50	HK3	BL00057	Môn học tự chọn 01	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
51	HK5	BL00058	Môn học tự chọn 02	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
52	HK6	BL00059	Môn học tự chọn 03	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
53	HK6	BL00060	Môn học tự chọn 04	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
54	HK7	BL00061	Môn học tự chọn 05	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Nhóm môn bài thi tốt nghiệp		12	540	0	540	180
55	HK8	BL03151	Thực tập tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
56	HK8	BL03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			Danh sách môn tự chọn		42	810	510	300	1170
1	HKN	BL00036	Pháp luật về Kinh doanh bất động sản	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
2	HKN	BL00037	Pháp luật về Thi hành án dân sự	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
3	HKN	BL00038	Pháp luật về Nhượng quyền thương mại	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
4	HKN	BL00039	Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
5	HKN	BL00040	Pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
6	HKN	BL00041	Pháp luật về Dữ liệu và an ninh mạng	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
			Tên môn học			Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
7	HKN	BL00042	Pháp luật về Thương mại hàng hóa và dịch vụ	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
8	HKN	BL00043	Luật so sánh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
9	HKN	BL00044	Pháp luật về Cạnh tranh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
10	HKN	BL00049	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
11	HKN	BL00050	Kỹ năng tham gia tố tụng	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
12	HKN	BL00051	Kỹ năng tư vấn Pháp luật	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
13	HKN	BL00052	Kỹ năng quản trị văn phòng	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
14	HKN	BL00053	Khởi nghiệp nghề luật	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HKN	BL00054	Kỹ năng đàm phán	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Danh sách môn tự chọn của Bài thi tốt nghiệp						
16	HKN	BL03153	Khóa luận tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
17	HKN	BL03154	BTTN_TC_01 (chọn 1 trong 2 môn)	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
18	HKN	BL00055	HPTN 1: Kỹ năng hành nghề Luật sư	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
19	HKN	BL00056	HPTN 2: Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
20	HKN	BL03155	BTTN_TC_02 (chọn 1 trong 2 môn)	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
21	HKN	BL00045	HPTN 3: Pháp luật về Kinh doanh bảo hiểm	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
22	HKN	BL00046	HPTN 4: Pháp luật về Chứng khoán	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
23	HKN	BL03156	BTTN_TC_03 (chọn 1 trong 2 môn)	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
24	HKN	BL00047	HPTN 5: Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
25	HKN	BL00048	HPTN 6: Tội phạm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại	2[2.0.4]	2	30	30	0	60

Ghi chú:

Sinh viên lựa chọn các môn học trong danh sách môn học tự chọn.

Nhóm môn học tự chọn bao gồm các môn học có tính liên kết theo cấp độ hoặc nội dung. Khi sinh viên đã chọn một môn học ở cấp độ cơ bản (hoặc phần 1) trong một nhóm nhất định, thì bắt buộc phải tiếp tục chọn môn học tiếp theo ở cấp độ cao hơn (hoặc phần 2) trong cùng nhóm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các nhóm môn học có tính kế thừa hoặc bắt buộc đi kèm.

Ví dụ: Nếu đã chọn Tiếng Hoa 1 là ngoại ngữ tự chọn 1, thì phải chọn Tiếng Hoa 2 là ngoại ngữ tự chọn 2; không được chuyển sang Tiếng Pháp 2 nếu chưa học Tiếng Pháp 1.

Nếu đã học Ngôn ngữ lập trình, thì phải chọn tiếp Thực hành Ngôn ngữ lập trình.

HK_TC: Danh sách môn học tự chọn cụ thể sẽ được thông báo trước khi đăng ký môn học.

Viết tắt trong bảng:

(1) Cột Học kỳ: HK – Học kỳ; HK_TC – Học kỳ tự chọn;

(2) Cột Tên môn học: TN – Thí nghiệm; TH- Thực hành;

(3) Cột Nhóm môn: QP – Quốc phòng; TC – Thể chất; TN – Tự nhiên; XH – Xã hội; CS – Cơ sở; CN – Chuyên ngành.

V. Điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng dạy

5.1. Yêu cầu chung về trình độ, độ tuổi và chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy

Chương trình đào tạo được chủ trì xây dựng bởi giảng viên có học vị tiến sĩ đang trong độ tuổi lao động, đảm bảo đủ năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn theo quy định của Bộ GDĐT.

Bên cạnh đó, giảng viên tham gia xây dựng và chủ trì giảng dạy khối kiến thức của chương trình còn có thể bao gồm giảng viên có học vị tiến sĩ đã nghỉ hưu, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a Khoản

1 Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT (sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT), cụ thể: “Giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo phải là giảng viên cơ hữu không quá tuổi nghỉ hưu tối đa theo quy định của Chính phủ về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập; hằng năm trực tiếp giảng dạy trọn vẹn một số học phần bắt buộc hoặc hướng dẫn chính luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trong chương trình đào tạo”.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện đầy đủ các học phần bắt buộc và các nội dung thực hành, thực tập của chương trình. Ngoài ra, nhà trường bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ đầy đủ về hành chính – học vụ, kỹ thuật – công nghệ thông tin, thư viện và tư vấn sinh viên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

5.2. **Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân sự hỗ trợ**

(1) **Năng lực chuyên môn phục vụ đào tạo**

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng điều kiện mở ngành và tổ chức đào tạo ngành Luật kinh tế (7380107).

Đội ngũ giảng viên có chuyên môn trong lĩnh vực Luật học, Luật kinh tế bao gồm:

- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn trong lĩnh vực Luật học, Luật kinh tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn chuyên đề:
 - + Bộ môn Pháp luật Ban Khoa học Cơ bản: 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ; 03 Tiến sĩ; 05 Thạc sĩ. Tổng cộng: 09 người (xem danh sách).
 - + Khoa/Ban chuyên môn khác: 01 Tiến sĩ; 03 Thạc sĩ; 03 Đại học. Tổng cộng: 07 người.
- Giảng viên thỉnh giảng thuộc Bộ môn Pháp luật, Ban Khoa học Cơ bản có chuyên môn trong lĩnh vực Luật kinh tế tham gia giảng dạy: 04 Tiến sĩ; 12 Thạc sĩ. Tổng cộng: 16 người (xem danh sách).

Đội ngũ giảng viên có chuyên môn khác tham gia giảng dạy các môn học, học phần thuộc lĩnh vực đại cương, kinh tế, quản trị:

- Giảng viên các bộ môn khác thuộc Ban Khoa học Cơ bản có thể đảm nhận các môn học thuộc nhóm môn chính trị, xã hội, nhân văn, kỹ năng thuộc chương trình ngành Luật Kinh tế: 14 người (xem danh sách).
- Giảng viên cơ hữu Khoa Quản trị kinh doanh: 16 tiến sĩ, 42 thạc sĩ. Tổng cộng: 58 người

(2) **Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chủ trì xây dựng CTĐT và giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành:**

- TS. Phạm Hoài Huân (1983); ngành Luật Kinh tế - chủ trì xây dựng CTĐT và giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành;
- TS. Nguyễn Huy Hoàn (1960); ngành Luật học;
- PGS. TS. Phan Quang Thịnh (1959); ngành Điều tra hình sự, tội phạm; Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật;
- TS. Trương Vĩnh Xuân (1978); ngành Luật Kinh tế (tuyển mới từ 15/06/2025);
- TS. Lê Đăng Minh (1967); ngành Luật Kinh tế, Kinh tế quốc tế;
- TS. Bùi Văn Danh (1958); ngành Kinh tế;
- TS. Hoàng Trung Tiến (1973); ngành Kinh tế và quản lý kinh tế quốc dân.

(3) **Danh sách giảng viên có chuyên môn trong lĩnh vực Luật học, Luật kinh tế bao gồm:**

STT	Họ tên	Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
	Cán bộ, giảng viên cơ hữu			
1	Bùi Thị Vân	07/03/1987	THS	Luật học; Luật

STT	Họ tên		Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
2	Nguyễn Thị Thanh	Bình	26/07/1979	THS	Luật; Luật kinh tế
3	Phùng Văn	Hiệu	20/03/1992	THS	Luật; Luật dân sự và tố tụng dân sự
4	Nguyễn Huy	Hoàn	06/06/1960	TS	Luật Quốc tế; Hình sự và tố tụng hình sự; Luật học
5	Phạm Hoài	Huân	08/12/1983	TS	Luật học; Luật kinh tế
6	Vũ Thị Bích	Hường	04/01/1963	THS	Luật học
7	Lê Đăng	Minh	05/08/1967	TS	Luật Kinh tế; Kinh tế quốc tế
8	Phan Quang	Thịnh	10/06/1959	PGS - TS	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật
9	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	16/12/1993	THS	Luật học; Luật dân sự và tố tụng dân sự
10	Trương Vĩnh	Xuân	02/07/1978	TS	Luật thương mại; Luật học; Luật kinh tế
11	Hoàng Xuân	Phương	07/10/1972	ĐH	Tin học kinh tế, Luật học
12	Lê Minh	Tài	15/08/1989	THS	Luật học; Tài chính - Ngân hàng
13	Nguyễn Phước	Thiệu	28/04/2002	ĐH	Luật
14	Bùi Duy	Trường	29/10/1984	ĐH	Kinh tế - Luật
15	Phan Thanh	Thanh	09/02/1998	ĐH	Luật kinh tế
Giảng viên thỉnh giảng					
1	Phạm Thị Minh	Anh	15/04/1976	THS	Luật tư pháp; Luật học
2	Nguyễn Hoài	Bảo	15/02/1969	THS	Luật học
3	Đào Nguyễn Hương	Duyên	31/12/1975	TS	Luật học; Luật dân sự, tố tụng dân sự; Luật kinh tế
4	Bùi Văn	Mạnh	18/10/1966	THS	Luật học; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
5	Lê Thị	Mơ	09/02/1985	THS	Hành chính; Luật học
6	Nguyễn Sơn	Nam	02/12/1990	TS	Khoa học an ninh và trật tự xã hội; Luật học
7	Đoàn Lê	Nguyên	02/05/1979	THS	Luật học; Luật so sánh quốc tế
8	Lê Thị Thanh	Nhàn	03/12/1978	THS	Luật học
9	Mai Lan	Phương	30/05/1983	THS	Luật hình sự và tố tụng hình sự
10	Nguyễn Phương	Thảo	08/10/1992	THS	Luật học; Luật hình sự - Tố tụng hình sự
11	Phạm Thị Phương	Thảo(xh)	05/05/1989	THS	Luật học; Luật Hiến pháp - Hành chính
12	Nguyễn Xuân	Thủy	22/07/1961	PGS - TS	Luật học
13	Lê Việt	Tuấn	05/08/1976	THS	Luật học; Luật quốc tế và so sánh
14	Ngô Đức	Tuấn	01/02/1954	THS	Luật học
15	Hoàng Xuân	Tùng	20/06/1968	TS	Luật học; Khoa học vật liệu
16	Tạ Kiến	Tường	22/06/1975	THS	Luật; Ngôn ngữ Anh; Business Administration

(4) Danh sách cán bộ, giảng viên cơ hữu có thể tham gia giảng dạy các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên biệt (giáo dục thể chất) và kiến thức giáo dục đại cương, ngoại ngữ.

STT	Họ tên		Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
1	Nguyễn Văn	Hải(cb)	17/08/1961	THS	Kinh tế chính trị
2	Lý Gia	Hán	25/06/1995	THS	Giáo dục thể chất; Giáo dục học
3	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15/07/1973	THS	Anh văn; Ngôn ngữ học so sánh
4	Nguyễn Thị	Lệ	26/01/1991	THS	Triết học
5	Võ Văn	Mười	10/12/1970	THS	Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Thái Mỹ	Ngân	26/10/1989	THS	LL&PP dạy học Tiếng Anh

STT	Họ tên	Ngày sinh	HH-HV	Ngành, chuyên ngành
7	Phùng Tuấn Ngọc	07/08/1995	THS	Ngôn ngữ Anh; LL và PP dạy tiếng Anh
8	Lương Tuấn Phương	14/07/1978	THS	Thế dục thể thao; Giáo dục thể chất
9	Quách Võ Hoàng Quyên	21/05/1995	THS	Lịch sử khảo cổ học; Lịch sử Đảng cộng sản VN
10	Nguyễn Hoàng Mỹ Thanh	09/08/1979	THS	Ngữ văn Anh, QTKD; Giảng dạy tiếng Anh
11	Nguyễn Thị Dạ Thảo	24/10/1992	THS	Sư phạm Tiếng Anh; Giáo dục đặc biệt, nâng cao
12	Phan Thị Bích Trâm	14/08/1981	THS	Triết học
13	Phan Thị Mỹ Trang	13/10/1985	THS	Ngữ văn Anh; LL&PP dạy học Tiếng Anh
14	Trương Văn Tú	14/06/1990	THS	Giáo dục thể chất

5.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý ngành Luật kinh tế

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn xác định phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý là yếu tố then chốt bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế. Trên cơ sở đội ngũ hiện có và định hướng chiến lược phát triển ngành, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn từ năm 2025 đến 2030, nhằm từng bước kiện toàn về số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng chuẩn theo quy định của Bộ GDĐT.

Hiện tại, đội ngũ giảng viên cơ hữu trực tiếp tham gia đào tạo ngành Luật kinh tế gồm: 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ, 03 Tiến sĩ, 05 Thạc sĩ thuộc Bộ môn Pháp luật – Ban Khoa học Cơ bản. Bên cạnh đó, từ các khoa/bộ môn khác có thêm 01 Tiến sĩ, 03 Thạc sĩ và 03 cử nhân Luật. Đội ngũ thỉnh giảng có 04 Tiến sĩ và 12 Thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế, Luật thương mại, Luật dân sự, có kinh nghiệm thực tiễn và đang công tác tại các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp hoặc tổ chức hành nghề luật.

Giai đoạn 2025 – 2026:

- Bổ nhiệm tổ trưởng bộ môn phụ trách ngành Luật kinh tế.
- Củng cố đội ngũ giảng viên cơ hữu: tuyển thêm 02 thạc sĩ và 01 tiến sĩ chuyên ngành Luật kinh tế, Luật thương mại, Luật dân sự.
- Cử 01 – 02 giảng viên theo học nghiên cứu sinh (trong nước hoặc liên kết quốc tế).
- Tổ chức tập huấn xây dựng chương trình đào tạo, kỹ năng biên soạn học liệu và phương pháp giảng dạy theo chuẩn đầu ra.

Giai đoạn 2026 – 2027:

- Tuyển chọn thêm 01 – 02 tiến sĩ có năng lực nghiên cứu và khả năng giảng dạy tích hợp.
- Mời giảng viên kiêm nhiệm có kinh nghiệm hành nghề thực tiễn (luật sư, chuyên viên pháp lý doanh nghiệp) tham gia giảng dạy học phần chuyên đề.
- Đào tạo đội ngũ giảng viên sử dụng công nghệ giảng dạy, khai thác học liệu số, dạy học tích hợp trên nền tảng LMS và pháp lý số.

Giai đoạn 2027 – 2030:

- Hình thành nhóm giảng viên nòng cốt ngành Luật kinh tế với tối thiểu 05 giảng viên trình độ tiến sĩ, đảm nhận vai trò giảng dạy – nghiên cứu – biên soạn học liệu – xây dựng học phần chuyên sâu.
- Xây dựng kế hoạch nâng cấp Bộ môn Pháp luật thành Khoa Luật hoặc Bộ môn Luật kinh tế độc lập, tùy theo quy mô và định hướng phát triển.
- Kết nối giảng viên với doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật để tăng cường hợp tác nghiên cứu ứng dụng, tư vấn pháp lý, chuyển giao tri thức.

Mục tiêu đến năm 2030:

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu tối thiểu 10 người, trong đó 05 người trình độ tiến sĩ đúng hoặc gần ngành.
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy đạt tối thiểu 70% khối lượng học phần trong chương trình.

- Cán bộ quản lý ngành có trình độ tiến sĩ, có kinh nghiệm xây dựng chương trình, đảm nhận vai trò tổ chức và đảm bảo chất lượng học thuật.
- Hình thành nhóm chuyên môn giảng dạy tích hợp luật – kinh doanh – công nghệ, góp phần xây dựng bản sắc riêng cho chương trình Luật kinh tế tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trường cam kết bố trí ngân sách ưu tiên cho tuyển dụng, bồi dưỡng, hỗ trợ giảng viên theo học sau đại học, xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên giảng dạy chất lượng cao, nghiên cứu ứng dụng và tham gia tư vấn pháp lý thực tiễn.

VI. Điều kiện về cơ sở vật chất tổ chức đào tạo

6.1. Nhà trường tổ chức triển khai CTĐT đại học ngành Luật kinh tế tại cơ sở chính của trường (180 Cao Lỗ, Phường 04, Quận 08, Thành phố Hồ Chí Minh).

(1) Sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị sẵn có:

- Đối với các lớp lý thuyết, sử dụng hệ thống phòng học lý thuyết hiện có;
- Đối với các lớp học ngoại ngữ, sử dụng phòng máy tính, phòng lab sẵn có của trường;
- Đối với các lớp học thực hành máy tính, chuyên đề, sử dụng phòng máy sẵn có của trường;
- Đối với các lớp thể dục, thể thao, sử dụng sân thể thao ngoài trời, trong nhà của trường.

(2) Các phòng máy hiện có phục vụ đào tạo ngành Luật kinh tế

Hiện nay, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có tổng cộng 17 phòng máy vi tính được bố trí tại các khu nhà B, C và A, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập các học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong khối ngành kinh tế – luật, đặc biệt là các môn học như: tin học pháp lý, pháp luật số, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, nghiên cứu pháp lý trực tuyến, quản trị văn bản pháp luật, và công nghệ hỗ trợ hành nghề luật.

(3) Ngoài giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, xưởng thực hành/thực tập sẵn có, nhà trường đã và đang tiến hành đồng bộ các bước chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị sử dụng đào tạo ngành Luật kinh tế khi được phép mở ngành. Đồng thời, ký kết các văn bản ghi nhớ, hợp đồng đào tạo với các công ty, doanh nghiệp để sinh viên thực tập.

6.2. Các công việc chuẩn bị đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm sử dụng để đào tạo ngành Luật kinh tế:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo định hướng ứng dụng và thực tiễn nghề nghiệp, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn dự kiến đầu tư **xây dựng Phòng mô phỏng pháp lý – pháp đình** phục vụ đào tạo ngành Luật kinh tế. Đây là không gian học tập tích hợp, kết hợp giữa mô hình lớp học, phòng tranh tụng mô phỏng và môi trường thực hành kỹ năng pháp luật ứng dụng.

Phòng mô phỏng được thiết kế theo hướng mô phỏng phiên tòa, văn phòng tư vấn pháp luật, phòng họp trọng tài – hòa giải thương mại, hoặc cơ quan pháp chế nội bộ doanh nghiệp, qua đó tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành các kỹ năng nghề nghiệp cốt lõi như:

- Kỹ năng tranh tụng, phản biện và bảo vệ quyền lợi đương sự;
- Kỹ năng tư vấn pháp lý, đàm phán và lập hợp đồng;
- Kỹ năng thẩm tra hồ sơ, xử lý tình huống pháp lý, áp dụng luật vào thực tiễn;
- Kỹ năng trình bày, làm việc nhóm, tác phong nghề nghiệp trong môi trường chuyên nghiệp.

Phòng mô phỏng dự kiến được trang bị:

- Khu vực phiên tòa mô phỏng: bục thẩm phán, thư ký, luật sư, bị đơn, nguyên đơn; hệ thống âm thanh – ghi hình – trình chiếu; trang phục ngành luật.
- Thiết bị công nghệ hỗ trợ: máy tính, phần mềm mô phỏng tình huống pháp lý, hệ thống quản lý hồ sơ vụ việc, các tình huống giả định tích hợp trên nền tảng học tập LMS.

- Không gian tổ chức tình huống pháp lý liên ngành: tranh tụng thương mại, giải quyết tranh chấp hợp đồng, vi phạm hành chính, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quản lý sở hữu trí tuệ...

Phòng mô phỏng sẽ được sử dụng trong các học phần như:

- Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại,
- Kỹ năng hành nghề luật sư,
- Pháp luật về tổ tụng dân sự – hình sự – hành chính,
- Luật kinh doanh và khởi nghiệp,
- Khóa luận tốt nghiệp và học phần tự chọn nâng cao.

Việc đầu tư phòng mô phỏng không chỉ đáp ứng yêu cầu dạy học gắn với thực tiễn mà còn giúp sinh viên tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, tự tin hành nghề sau khi tốt nghiệp, đồng thời là điểm khác biệt trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

6.3. Hợp tác doanh nghiệp và khai thác cơ sở vật chất bên ngoài

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo định hướng ứng dụng và gắn với thực tiễn hành nghề pháp lý trong môi trường kinh doanh, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn chú trọng phát triển mạng lưới hợp tác sâu rộng với doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật và cơ quan tư pháp trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam.

Trong thời gian qua, nhà trường đã bước đầu thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác như: các công ty luật – văn phòng luật sư, bộ phận pháp chế của doanh nghiệp, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam và Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Các hình thức hợp tác được triển khai hoặc dự kiến triển khai gồm:

- Tổ chức kiến tập, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên ngành Luật kinh tế tại doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật và tòa án.
- Mời chuyên gia pháp lý, luật sư, thẩm phán, trọng tài viên tham gia giảng dạy chuyên đề, hội thảo chuyên môn hoặc phản biện khóa luận tốt nghiệp.
- Hợp tác tổ chức phiên tòa giả định, mô phỏng tranh tụng thương mại, hòa giải kinh doanh tại cơ sở thực tế.
- Tiếp nhận dữ liệu vụ việc (giả định hoặc ẩn danh) để tích hợp vào bài tập tình huống và học phần mô phỏng.
- Khai thác phòng họp, hội trường, phòng làm việc của doanh nghiệp để triển khai các học phần kỹ năng hoặc tổ chức seminar chuyên đề chuyên sâu.

Song song đó, nhà trường cũng khuyến khích sinh viên tham gia các dự án pháp lý cộng đồng, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, góp phần nâng cao trải nghiệm thực tế và tinh thần phục vụ cộng đồng trong giáo dục pháp luật.

Trong thời gian tới, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn định hướng mở rộng thêm hợp tác với:

- Các tổ chức phi chính phủ và hiệp hội doanh nghiệp (VCCI, Hiệp hội Luật gia ...),
- Các trung tâm nghiên cứu chính sách và luật pháp,
- Các chương trình pháp lý quốc tế để tổ chức giao lưu học thuật, trao đổi sinh viên, thực tập quốc tế và chia sẻ cơ sở vật chất đào tạo.

Việc hợp tác doanh nghiệp và khai thác cơ sở vật chất bên ngoài là giải pháp chiến lược giúp nhà trường rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên và bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Luật kinh tế theo đúng chuẩn đầu ra định hướng ứng dụng – hội nhập.

6.4. Thư viện, học liệu và dữ liệu nghiên cứu

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn hiện có hệ thống thư viện trung tâm đặt tại khu A, với không gian học tập rộng rãi, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ máy tính, thiết bị tra cứu, khu vực đọc, mượn sách và phòng học nhóm. Thư viện phục vụ cả hình thức học trực tiếp và học trực tuyến, đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên ngành Luật kinh tế.

Về tài liệu học thuật, thư viện đang quản lý gần 30.000 đầu sách in và hàng ngàn tài liệu điện tử. Trong đó, có trên 100 đầu sách chuyên ngành Luật học, gồm các lĩnh vực như: Luật dân sự, Luật kinh tế, Luật thương mại, Luật lao động, Luật tài chính – ngân hàng, Luật đầu tư, Luật sở hữu trí tuệ, và pháp luật quốc tế. Ngoài ra, có hơn 4.800 đầu sách thuộc các lĩnh vực kinh tế, quản trị, tài chính, marketing, hỗ trợ tốt cho việc giảng dạy và học tập các học phần tích hợp giữa pháp lý và kinh doanh.

Nhà trường đã mua quyền truy cập nhiều cơ sở dữ liệu học thuật điện tử như:

- ProQuest, Springer, IEEE, Wips Global – cung cấp tài liệu nghiên cứu, bài báo khoa học, case study pháp lý – kinh tế;
- Benito, VitalSource, Tailieu.vn – cung cấp giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu học liệu số.

Bên cạnh đó, nhà trường triển khai hệ thống học liệu điện tử và nền tảng LMS (Learning Management System) phục vụ đào tạo trực tuyến, quản lý học phần, đánh giá và cung cấp tài liệu học tập. Giảng viên ngành Luật kinh tế được khuyến khích biên soạn giáo trình nội bộ, học liệu tích hợp số, tổ chức kho lưu trữ bài giảng điện tử, đề thi – ngân hàng câu hỏi và học liệu mở (OER) dùng chung cho sinh viên.

Thư viện hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, đồ án tốt nghiệp và viết khóa luận thông qua:

- Cung cấp mẫu đề tài, hướng dẫn trích dẫn, hệ thống tra cứu tài liệu luật điển hình;
- Kho lưu trữ luận văn, báo cáo nghiên cứu nội bộ;
- Hỗ trợ truy cập cơ sở dữ liệu pháp luật Việt Nam, văn bản pháp quy và cơ sở thực tiễn vụ việc thông qua phần mềm hỗ trợ tra cứu và phân tích.

Trong thời gian tới, nhà trường dự kiến bổ sung thêm học liệu chuyên sâu về pháp luật kinh tế số, pháp luật khởi nghiệp, pháp luật quốc tế và pháp lý trong chuyển đổi số, đồng thời kết nối với các thư viện học thuật quốc tế, ngân hàng tình huống nghề luật nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy.

VII. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý

7.1. Cơ cấu tổ chức và quản lý cấp trường

Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có hệ thống tổ chức quản lý đầy đủ, hoạt động theo mô hình đại học tư thực, với các đơn vị chức năng và chuyên môn được phân cấp rõ ràng, bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đào tạo. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024 – 2029 đã được thành lập và hoạt động đúng quy định. Ban Giám hiệu nhà trường gồm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách các mảng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản trị.

Các phòng ban chức năng như Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Quản lý khoa học và Sau đại học, Phòng Hành chính – Nhân sự - Pháp chế, Phòng Quản lý tài sản và Bảo trì trang thiết bị, Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Thanh tra giáo dục và các đơn vị khác phối hợp chặt chẽ trong công tác triển khai và quản lý chương trình đào tạo, đảm bảo các điều kiện tổ chức đào tạo ngành mới được thực hiện theo đúng chuẩn của Bộ GDĐT.

7.2. Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành

Ngành Luật kinh tế được giao cho Ban Khoa học Cơ bản trực thuộc Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn phụ trách quản lý và tổ chức đào tạo. Ban Khoa học Cơ bản là đơn vị chuyên môn có chức năng tổ chức giảng dạy các học phần đại cương và nền tảng chung, đồng thời trực tiếp quản lý Bộ môn Pháp luật – đơn vị nòng cốt xây dựng, triển khai và phát triển chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế.

Bộ môn Pháp luật có bề dày kinh nghiệm trong giảng dạy các học phần Luật đại cương, Luật kinh tế, Pháp luật thương mại, Pháp luật sở hữu trí tuệ... cho nhiều ngành đào tạo thuộc khối kinh tế, quản trị, kỹ thuật – công nghệ. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của bộ môn bao gồm: 01 Phó giáo sư – Tiến sĩ, 03 Tiến sĩ, 05 Thạc sĩ, cùng các giảng viên đến từ đơn vị chuyên môn khác trong trường có trình độ phù hợp ngành hoặc ngành gần như Luật dân sự, Luật thương mại, Kinh tế – Luật, quản trị pháp chế doanh nghiệp.

Ngoài ra, Ban Khoa học Cơ bản có cơ chế phối hợp chặt chẽ với các khoa – ban khác như Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Công nghệ thông tin ... trong tổ chức giảng dạy các học phần liên ngành, các chuyên đề pháp lý ứng dụng trong quản trị, thương mại điện tử, tài chính và đầu tư.

Trong giai đoạn đầu triển khai đào tạo ngành Luật kinh tế, Bộ môn Pháp luật sẽ chịu trách nhiệm chính về chuyên môn, quản lý chương trình đào tạo, tổ chức giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học sinh viên. Trên cơ sở quy mô tuyển sinh và phát triển của ngành, nhà trường có kế hoạch nâng cấp Bộ môn Pháp luật thành Khoa Luật hoặc Bộ môn Luật kinh tế độc lập, với tổ chức bộ máy hoàn chỉnh, có Trường khoa/ngành và Hội đồng Khoa học và Đào tạo riêng.

Như vậy, Ban Khoa học Cơ bản và Bộ môn Pháp luật hoàn toàn đủ năng lực và kinh nghiệm chuyên môn để tổ chức đào tạo ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng, liên ngành và hội nhập quốc tế.

7.3. Nhân sự quản lý và hội đồng chuyên môn ngành

Nhà trường đã thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và Hội đồng Thẩm định chương trình theo đúng trình tự và thành phần quy định.

Các hội đồng này bao gồm các giảng viên, chuyên gia và nhà quản lý có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trong đó có tối thiểu một thành viên có học vị tiến sĩ ngành Luật kinh tế, ngành gần. Nhân sự chủ trì ngành đảm nhận vai trò tổ chức, điều phối học thuật và quản lý chuyên môn chương trình đào tạo, đồng thời trực tiếp tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Hệ thống này được thiết lập nhằm đảm bảo chương trình đào tạo được triển khai đúng định hướng, phù hợp với khung trình độ quốc gia, đáp ứng nhu cầu nhân lực và yêu cầu kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học.

VIII. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

8.1. Quy định về việc sẵn sàng chuyển đổi hình thức đào tạo sang học trực tuyến trong các tình huống đặc biệt

Nhằm bảo đảm tính liên tục, linh hoạt và thích ứng trong tổ chức hoạt động đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh có thể phát sinh các tình huống bất thường như dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, thiên tai, sự cố môi trường, hoặc các yếu tố khách quan khác gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc học tập trung tại cơ sở giáo dục, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn quy định về việc sẵn sàng chuyển đổi từ hình thức đào tạo trực tiếp (tập trung) sang hình thức đào tạo trực tuyến.

Quy định là một phần của kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo trong bối cảnh rủi ro và sẽ được cập nhật, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và quy định hiện hành của các cơ quan quản lý. Các đơn vị, cá nhân không tuân thủ quy định sẽ bị xử lý theo nội quy học vụ và quy chế nội bộ của Trường.

(1) Mục tiêu và nguyên tắc thực hiện:

Việc chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến được triển khai nhằm:

- Đảm bảo tiến độ và kế hoạch đào tạo của toàn khóa học theo đúng chương trình được phê duyệt;
- Đảm bảo quyền lợi học tập và tiếp cận tri thức của sinh viên trong mọi hoàn cảnh;
- Tuân thủ các chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên về phòng, chống dịch bệnh hoặc ứng phó tình huống khẩn cấp;

- Đảm bảo chất lượng dạy và học thông qua việc duy trì các tiêu chí kiểm soát nội dung, thời lượng, phương pháp và đánh giá.

(2) Các điều kiện áp dụng:

Việc chuyển sang học trực tuyến được thực hiện khi:

- Có thông báo hoặc quyết định chính thức của nhà trường, căn cứ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Bộ Y tế, Ủy ban Nhân dân (UBND) địa phương hoặc Ban chỉ đạo phòng, chống dịch;
- Có đề xuất từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng Đào tạo, hoặc Ban Chỉ đạo phòng chống dịch của Trường (trong tình huống đặc thù);
- Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, nhân lực giảng dạy và hỗ trợ kỹ thuật đảm bảo đủ điều kiện tổ chức đào tạo trực tuyến đồng bộ hoặc kết hợp.

(3) Trách nhiệm của các bên liên quan:

Đối với Nhà trường: Bảo đảm hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng họp trực tuyến (Zoom, MS Teams, Google Meet...) luôn ở trạng thái sẵn sàng; cung cấp tài khoản truy cập, tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho giảng viên và sinh viên; theo dõi, đánh giá và cải tiến hoạt động đào tạo trực tuyến định kỳ.

Đối với khoa, bộ môn và giảng viên: Chủ động cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với hình thức trực tuyến; xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết (theo tuần/học phần); thực hiện kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan và minh bạch; phối hợp chặt chẽ với Phòng Đào tạo và các đơn vị hỗ trợ trong triển khai kỹ thuật và quản lý lớp học.

Đối với sinh viên: Có trách nhiệm chuẩn bị thiết bị học tập cá nhân (máy tính, kết nối internet ổn định...); tuân thủ lịch học trực tuyến; chủ động học tập, thực hiện đầy đủ yêu cầu của giảng viên; tham gia kiểm tra, đánh giá đúng quy định; liên hệ với cố vấn học tập hoặc bộ phận hỗ trợ nếu gặp khó khăn.

(4) Hình thức thông báo và hướng dẫn triển khai:

Khi có quyết định chuyển học trực tuyến, Hiệu trưởng sẽ ký ban hành thông báo chính thức thông qua các kênh thông tin sau:

- Trang thông tin điện tử chính thức của Trường;
- Hệ thống quản lý học tập (LMS);
- Email học vụ và tài khoản sinh viên;
- Các nhóm lớp do cố vấn học tập hoặc trợ lý đào tạo phụ trách.

Thông báo sẽ kèm theo: Lịch học trực tuyến, danh sách lớp học/giảng viên, hướng dẫn truy cập lớp học, phương thức điểm danh, yêu cầu thiết bị, quy chế kiểm tra – đánh giá trong học phần trực tuyến.

(5) Các phương án hỗ trợ sinh viên:

Trường cam kết triển khai các biện pháp hỗ trợ phù hợp để đảm bảo sinh viên có thể tiếp cận được hoạt động học tập từ xa, bao gồm:

- Cung cấp học liệu điện tử, tài khoản truy cập phần mềm bản quyền;
- Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng hệ thống trực tuyến;
- Tư vấn và hỗ trợ về tâm lý, kế hoạch học tập cho sinh viên trong thời gian giãn cách, cách ly;
- Xem xét gia hạn hoặc điều chỉnh tiến độ học tập đối với sinh viên gặp hoàn cảnh khó khăn.

8.2. Phương án xử lý rủi ro trong tổ chức đào tạo

Để bảo đảm hoạt động đào tạo được triển khai liên tục, hiệu quả và thích ứng với các tình huống phát sinh, nhà trường xây dựng phương án xử lý rủi ro trong quá trình tổ chức đào tạo như sau:

(1) Mục tiêu của phương án

- Đảm bảo quyền lợi học tập, đánh giá và tốt nghiệp của người học.
- Duy trì chất lượng đào tạo trong mọi điều kiện khách quan.
- Chủ động ứng phó, giảm thiệt hại và phục hồi nhanh chóng hoạt động đào tạo khi rủi ro xảy ra.

(2) Các loại rủi ro có thể xảy ra

- Rủi ro do yếu tố dịch bệnh, thiên tai: Dịch COVID-19, bão lụt, động đất, dịch tễ học tại địa phương ảnh hưởng đến việc học tập trung.
- Rủi ro kỹ thuật – công nghệ: Gián đoạn hệ thống LMS, nền tảng học trực tuyến, mất kết nối mạng, lỗi phần mềm đánh giá.
- Rủi ro nhân sự: Giảng viên, cán bộ đào tạo nghỉ việc đột xuất, ốm đau, thiếu nhân lực giảng dạy.
- Rủi ro tài chính – cơ sở vật chất: Gián đoạn nguồn lực tài chính, sự cố hạ tầng giảng đường, máy móc thiết bị.
- Rủi ro tâm lý – tinh thần của sinh viên: Stress, hoang mang khi học online;
- Rủi ro do thay đổi chính sách, pháp lý, quy định : Thay đổi quy định từ cơ quan quản lý, thay đổi quy định công nhận tín chỉ, bằng cấp...

(3) Nguyên tắc xử lý rủi ro: Chủ động phòng ngừa – Ứng phó linh hoạt – Phối hợp đồng bộ – Khôi phục nhanh chóng – Truyền thông kịp thời – Cải tiến sau khủng hoảng

- Chủ động phòng ngừa: Lập kế hoạch, dự phòng và diễn tập xử lý định kỳ đối với các tình huống có khả năng xảy ra.
- Ứng phó linh hoạt: Kích hoạt kịch bản chuyển đổi phù hợp với từng loại rủi ro; bảo đảm tối thiểu gián đoạn hoạt động học tập.
- Phối hợp đồng bộ: Huy động sự tham gia của tất cả đơn vị liên quan (đào tạo, công tác sinh viên, công nghệ thông tin, cơ sở vật chất, hành chính, y tế học đường...).
- Truyền thông kịp thời: Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác cho người học và giảng viên.
- Phục hồi và đánh giá: Nhanh chóng hoạt động trở lại bình thường và đánh giá rút kinh nghiệm.

(4) Các biện pháp cụ thể

Loại rủi ro	Phương án xử lý
Dịch bệnh, thiên tai	Chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến, tổ chức lớp học dự phòng, điều chỉnh kế hoạch học – thi, tăng cường học liệu số.
Gián đoạn kỹ thuật	Sử dụng nền tảng học trực tuyến thay thế; hỗ trợ kỹ thuật khẩn cấp; hướng dẫn sinh viên sử dụng thiết bị ngoại tuyến tạm thời (PDF, video).
Thiếu giảng viên	Phân công giảng viên thay thế trong cùng học phần hoặc học kỳ kế tiếp; mời giảng viên thỉnh giảng; dạy bù theo kế hoạch.
Sự cố cơ sở vật chất	Di dời lớp học đến cơ sở khác; tổ chức học ngoài giờ; tăng cường ứng dụng CNTT để thay thế một phần dạy trực tiếp.
Rủi ro tâm lý sinh viên	Tổ chức tư vấn tâm lý; hỗ trợ học tập; phối hợp chặt chẽ với cố vấn học tập và Phòng CTSV.
Thay đổi chính sách	Điều chỉnh chương trình đào tạo, lịch học – thi, tiến độ tốt nghiệp theo quy định mới; tổ chức hướng dẫn sinh viên kịp thời.

(5) Phân công trách nhiệm

- Ban Giám hiệu: Chỉ đạo chung, phê duyệt phương án điều chỉnh.
- Phòng Đào tạo:
 - + Chủ trì lập kế hoạch ứng phó, xây dựng lịch học, phối hợp triển khai các giải pháp học tập thay thế.

- + Chủ trì xây dựng nền tảng học trực tuyến; phối hợp với cán bộ kỹ thuật (bảo trì), tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho giảng viên và sinh viên.
- Phòng Quản lý tài sản, bảo trì trang thiết bị:
 - + Bộ phận Công nghệ Thông tin, Chuyển đổi số: Bảo trì hệ thống, trực kỹ thuật, đảm bảo đường truyền và nền tảng học trực tuyến luôn sẵn sàng. Phối hợp với đơn vị chủ trì hỗ trợ kỹ thuật cho giảng viên và sinh viên.
 - + Bộ phận Quản lý tài sản, cơ sở vật chất: Kiểm tra, bảo trì hạ tầng định kỳ; lập phương án bố trí lớp học thay thế.
- Phòng Công tác sinh viên: Theo dõi tình hình sinh viên, đặc biệt các trường hợp gặp khó khăn khi học online; tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hỗ trợ học tập và kết nối với giảng viên/cố vấn học tập; thống kê nhu cầu mượn thiết bị học tập, hỗ trợ truy cập mạng; phối hợp Phòng Đào tạo để đảm bảo sinh viên nắm bắt đầy đủ thông tin và điều chỉnh lộ trình học phù hợp.
- Khoa/Ban chuyên môn/Bộ môn:
 - + Ban chủ nhiệm khoa: Rà soát tình trạng giảng viên, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, đề xuất giảng viên thay thế khi cần.
 - + Giảng viên: Thực hiện giảng dạy theo hình thức thay đổi; chuẩn bị tài liệu số; báo cáo khó khăn phát sinh.
 - + Cố vấn học tập: Truyền thông đến sinh viên, hỗ trợ giải đáp và hướng dẫn điều chỉnh kế hoạch học tập; Cập nhật tình hình lớp; kết nối giảng viên – sinh viên – Phòng Công tác sinh viên – Phòng Đào tạo – Văn phòng Khoa/Ban.
 - + Sinh viên: Chủ động nắm bắt thông tin, cập nhật lịch học, chuẩn bị thiết bị học tập, báo cáo thời khó khăn phát sinh.

(6) Cơ chế cập nhật, báo cáo và cải tiến

- Các đơn vị tổ chức đào tạo có trách nhiệm đánh giá định kỳ khả năng ứng phó rủi ro trong học kỳ, năm học.
- Các rủi ro phát sinh ngoài kịch bản cần được lập báo cáo nhanh, gửi về Phòng Đào tạo trong vòng 24 giờ để tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch đào tạo (nếu có), báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt, quyết định, Phòng Đào tạo chủ trì tổ chức thực hiện.
- Sau mỗi tình huống khẩn cấp, Ban giám hiệu tổ chức họp tổng kết, đánh giá hiệu quả xử lý, rút kinh nghiệm và cải tiến quy trình.

8.3. Các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp nhà trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, nhà trường và các bên liên quan

Nhà trường thực hiện đầy đủ các phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro nhằm bảo đảm quyền lợi của người học, giảng viên và giữ gìn uy tín của nhà trường. Các giải pháp được xây dựng linh hoạt, phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn quản lý giáo dục đại học tại Việt Nam.

(1) Nguyên tắc xây dựng phương án và giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

- Lấy người học làm trung tâm: Đảm bảo quyền lợi học tập, không gián đoạn quá trình học và cơ hội nghề nghiệp.
- Tuân thủ pháp luật: Phù hợp với các quy định của Bộ GDĐT, đặc biệt về đình chỉ ngành, chuyển tiếp, công nhận tín chỉ.
- Minh bạch, kịp thời: Thông tin đầy đủ, công khai đến người học, giảng viên và bên liên quan.
- Chủ động phòng ngừa: Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm, giám sát điều kiện đảm bảo chất lượng.
- Linh hoạt, đa phương án: Xây dựng nhiều kịch bản ứng phó phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Phối hợp đồng bộ: Huy động sự tham gia của các phòng ban và đối tác liên kết trong xử lý rủi ro.
- Đảm bảo liên tục đào tạo: Duy trì tiến trình học tập, bảo toàn giá trị chương trình và văn bằng.

(2) Phương án và giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Nhà trường xây dựng phương án và giải pháp xử lý rủi ro dựa trên năm trụ cột chính: Ngăn ngừa – Củng cố – Xây dựng – Phát triển – Xử lý khi bất khả kháng, nhằm đảm bảo quyền lợi của người học, giảng viên và giữ vững chất lượng đào tạo.

Phương án ngăn ngừa:

- Thực hiện đánh giá định kỳ các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo: đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, tuyển sinh và hiệu quả đào tạo.
- Thiết lập hệ thống cảnh báo sớm về các nguy cơ có thể dẫn đến đình chỉ như thiếu giảng viên, không đủ người học, không đạt chuẩn chất lượng.
- Kiện toàn bộ máy quản lý ngành và quy trình đào tạo để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

Phương án Củng cố

- Tăng cường đội ngũ giảng viên cơ hữu, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ và kỹ năng sư phạm.
- Chuẩn hóa và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận thực tiễn, gắn với nhu cầu thị trường lao động.
- Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, tăng cường kiểm tra – giám sát chuyên môn và hoạt động dạy – học.

Phương án Xây dựng

- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy học, bao gồm phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị và phần mềm chuyên dụng.
- Xây dựng hệ thống học liệu số, giáo trình điện tử, bài giảng tích hợp công nghệ và nguồn học liệu mở.
- Thiết lập mạng lưới hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để hỗ trợ thực tập, giảng dạy chuyên đề và nghiên cứu ứng dụng.

Phương án Phát triển

- Mở rộng quy mô tuyển sinh một cách hợp lý, chú trọng truyền thông thương hiệu ngành và tư vấn hướng nghiệp từ sớm.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng, đổi mới sáng tạo trong giảng và học.
- Phát triển hệ sinh thái học thuật ngành: câu lạc bộ học thuật, diễn đàn chuyên ngành, hội thảo khoa học sinh viên và các hoạt động kết nối cộng đồng chuyên môn.

Phương án Xử lý khi bất khả kháng

- Đối với người học: Tổ chức công nhận tín chỉ đã học và hỗ trợ chuyển tiếp sang ngành/chương trình tương đương trong hoặc ngoài trường. Tư vấn học tập, hỗ trợ tài chính (nếu cần) và đảm bảo quyền lợi học tập liên tục.
- Đối với giảng viên: Bố trí giảng dạy ở ngành khác hoặc chuyển đổi chuyên môn phù hợp. Đảm bảo chế độ lao động, hỗ trợ nâng cao năng lực.
- Đối với cơ sở đào tạo: Thành lập tổ công tác xử lý rủi ro, phối hợp các phòng ban để triển khai phương án khẩn cấp. Báo cáo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện các hướng dẫn xử lý theo quy định.



- Đối với các bên liên quan: Cung cấp thông tin rõ ràng, minh bạch. Phối hợp với phụ huynh, đối tác, doanh nghiệp để tạo điều kiện hỗ trợ người học trong quá trình chuyển tiếp.

(3) Cam kết của nhà trường

Nhà trường cam kết chủ động ngăn ngừa rủi ro, duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng cơ chế ứng phó linh hoạt nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi người học và giữ vững uy tín, hiệu quả hoạt động đào tạo của nhà trường.

IX. Tự đánh giá về Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế.

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế (mã ngành 7380107) của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn được xây dựng công phu, bài bản, khoa học, tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện mở ngành. Đề án hình thành trên cơ sở khảo sát thực tiễn nhu cầu nguồn nhân lực, định hướng chiến lược phát triển của nhà trường và năng lực sẵn có về đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, học liệu và hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo.

Trường đã có hơn 28 năm kinh nghiệm đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ, quản trị – kinh tế, trong đó nhiều ngành đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo quốc gia và AUN-QA. Với sự phát triển liên tục của đội ngũ giảng viên chuyên ngành Luật, sự tích lũy kinh nghiệm giảng dạy các học phần pháp luật trong nhiều chương trình đào tạo liên ngành, cùng với sự chủ động trong đầu tư học liệu, thư viện, phòng mô phỏng và hệ thống LMS, nhà trường hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu mở ngành Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng – thực tiễn.

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được thiết kế hiện đại, tham khảo chương trình khung và chương trình đào tạo từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, đồng thời điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với định hướng chiến lược của nhà trường và đặc thù nhu cầu nhân lực của khu vực phía Nam. Đề án cũng thể hiện rõ các cam kết về chất lượng, lộ trình phát triển đội ngũ, tăng cường hợp tác doanh nghiệp và mở rộng nghiên cứu khoa học – đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực pháp lý – kinh doanh.

Với sự chuẩn bị nghiêm túc, đầy đủ, cùng chiến lược phát triển rõ ràng, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn tin tưởng rằng việc triển khai đào tạo ngành Luật kinh tế sẽ góp phần quan trọng vào việc cung cấp nguồn nhân lực pháp lý – kinh tế chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

NGƯỜI LẬP BẢN, PHÓ BAN ĐỀ ÁN
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



THS. Lê Thị Ngọc Phượng

TRƯỞNG BAN ĐỀ ÁN
TRƯỞNG BAN KHCB



PGS. TS. Trần Quang Hiếu



PGS. TS. Cao Hào Thi